

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 18/2017/HS-ST

Ngày: 29 /12/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lầu A Cù và ông Lò Việt Hưng

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà:
Ông **Hoàng Văn Trường** - Kiểm sát viên

Ngày 29 /12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2017/HSST, ngày 01/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/HSST-QĐ ngày 18/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Sùng Thị S (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1976

Nơi ĐKKHKT: Bản Noong Thăng, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng A Súa (đã chết) và bà Giàng Thị Mây, sinh năm: 1952; Chồng Cứ A Cửa (đã chết); Bị cáo có 07 con lớn nhất năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 03 tiền án cụ thể:

+ Ngày 09/6/2015, Sùng Thị S bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xử phạt 30 tháng tù về tội " M bán trái phép chất ma túy" tại bản án số: 71/2015/HSST ngày 09/6/2015;

+ Ngày 05/01/2016, Sùng Thị S bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm tù về tội " M bán trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 05 năm 06 tháng tù theo bản án số 16/2016/HSST ngày 05/01/2016;

+ Ngày 15/5/2017, Sùng Thị S bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điều 51 - Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt tại bản án số: 16/2016/HSST ngày 05/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu là 05 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 12 năm 06 tháng tù. Hiện cả ba bản án Sùng Thị S chưa thi hành và chưa được xóa án tích.

Ngày 18/7/2017 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú lý do Sùng Thị S đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại bản Noong Thăng xã Phúc Than huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu. (có mặt)

2. Lù Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1980

Nơi ĐKHKTT: Bản Én Luông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lù Văn Đăm (đã chết) và bà Hoàng Thị Mến, sinh năm: 1951; Vợ Lò Thị Pản Sinh năm: 1983; Bị cáo có 03 con lớn nhất năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/7/2017, tạm giam từ ngày 21/7/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên. (có mặt)

3. Vàng Văn E (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1980

Nơi ĐKHKTT: Bản Én Luông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vàng Văn Xe (đã chết) và bà Lò Thị Dinh, sinh năm: 1951; Vợ Lù Thị Nát, sinh năm: 1978; Bị cáo có 02 con lớn nhất năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/7/2017, tạm giam từ ngày 21/7/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lù Thị Nát; sinh năm: 1978

Địa chỉ: Bản Én Luông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt)

Người làm chứng: Thào A M

Địa chỉ: Bản Nậm Pát, xã Tà Mung, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại cơ quan điều tra, Sùng Thị S, Lù Văn T và Vàng Văn E khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 18/7/2017, Lù Văn T sang nhà Vàng Văn E rủ E đi M Heroine về cùng nhau sử dụng nhưng E nói không có tiền. Lù Văn T bảo Vàng Văn E là T có 300.000 đồng sẽ cho E vay bằng cách M Heroine cùng sử dụng, hôm nào E có tiền thì M Heroine cho T sử dụng cùng, Vàng Văn E đồng ý rồi lấy xe mô tô mang BKS 25U1- 0385 của gia đình E chở T lên bản Noong Thăng xã Phúc Than huyện Than Uyên để tìm M Heroine. Tại đây, T và E vào nhà S hỏi M Heroine, nhưng S bảo không có Heroine bán, nếu muốn M thì đưa tiền S đi M giúp nhằm mục đích để S hưởng lợi bất chính, T và E đồng ý. Sau đó, T trực tiếp đưa cho S số tiền 300.000 đồng (gồm hai tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng và hai tờ

tiền có mệnh giá 50.000 đồng). Sau đó, Sùng Thị S đi ra cửa nhà S thì gặp Thảo A M trú tại bản Nậm Pắt, Tà Mung, Than Uyên, M đưa cho S số tiền 100.000 đồng nhờ S tìm M Heroine giúp, Sùng Thị S đồng ý bảo T, E và M chờ ở nhà để S đi tìm M Heroine. Sùng Thị S đi ra quốc lộ 32 đầu bản Noong Thẳng thì vào một quán nước ven đường, S lấy số tiền 100.000 đồng trong số tiền Lù Văn T đưa để trả nợ. Sau đó, S đi xuống bản Che Bó, Phúc Than thì gặp một người đàn ông dân tộc Thái, S không biết rõ lai lịch. S hỏi M Heroine nhưng người đàn ông nói chỉ còn gói 200.000 đồng. Sùng Thị S đồng ý M và lấy số tiền 200.000 đồng (số tiền này là của Lù Văn T và Vàng Văn E) trả cho người đàn ông đó. M được Heroine, Sùng Thị S cầm trong tay trái rồi về nhà để đưa cho Lù Văn T và Vàng Văn E. Hồi 17 giờ 50 phút cùng ngày, Sùng Thị S bị Công an huyện Than Uyên bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 0,29 gam Heroine. Đối với số tiền 100.000 đồng của Thảo A M gửi S M Heroine thì S đã làm rơi trên đường về nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt khẩn cấp Lù Văn T và Vàng Văn E về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên đã tiến hành mời Thảo A M lên ghi lời khai phù hợp với lời khai của Lù Văn T, Vàng Văn E và Sùng Thị S.

Trong quá trình điều tra, T và E còn khai nhận ngoài lần M trái phép Heroine của S ngày 18/7/2017, thì T và E còn M trái phép 01 gói Heroine của S với giá 100.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày tháng. Quá trình đấu tranh S không thừa nhận lần bán trái phép ma túy này cho T và E.

Ngày 18/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên đã tiến hành mở niêm phong vật chứng thu giữ của Sùng Thị S, sau khi cân tịnh xác định: 01 gói chất bột khô, màu trắng, vón cục có khối lượng 0,29 gam. Cơ quan điều tra đã trích 0,06 gam trong tổng số 0,29 gam chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của S gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số: 335/GĐ - KTHS ngày 08/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: “ 01 mẫu chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ khi bắt quả tang của Sùng Thị S gửi đến giám định là Heroine”.

Bản cáo trạng số: 84/CT - VKS ngày 31/10/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Sùng Thị S về tội: “ M bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 - Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lù Văn T và Vàng Văn E về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Ngày 18/7/2017, Sùng Thị S đã nhận M trái phép 01 gói Heroine khối lượng 0,29 gam với giá 200.000 đồng cho Lù Văn T và Vàng Văn E mục đích để T, E sử dụng, còn Sùng Thị S được hưởng lợi bất chính 100.000 đồng. Sau đó Sùng Thị S

bị công an huyện Than Uyên bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngay sau đó, Lù Văn T và Vàng Văn E bị bắt khẩn cấp về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thì hành vi của bị cáo Sùng Thị S đã đủ yếu tố cấu thành tội: “M bán trái phép chất ma túy”. Đối với Lù Văn T và Vàng Văn E đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm p khoản 2 điều 194; điểm p khoản 1, 2 điều 46, - Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, áp dụng điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt 12 năm 06 tháng tù tại bản án số: 62/2017/HSST ngày 15/5/2017 của TAND huyện Than Uyên. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là từ 20 năm đến 20 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 điều 194; điều 20, 53; điểm p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm c khoản 1 điều 249; khoản 3 điều 7 - Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Lù Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Xử phạt bị cáo Vàng Văn E từ **01 năm** đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 194 - Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm và nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên đã thực hiện hành vi phạm pháp luật rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 18/7/2017, tại bản Noong Thăng, Phúc Than, Than Uyên, Lai Châu Lù Văn T và Vàng Văn E đã nhờ Sùng Thị S tìm M Heroine về để cùng sử dụng. Tại đây, Lù Văn T đã đưa cho Sùng Thị S số tiền 300.000 đồng, Sùng Thị S đồng ý và nhận số tiền trên để đi tìm M Heroine cho T và E. Mục đích để T và E sử dụng, còn Sùng Thị S được hưởng lợi bất chính số tiền 100.000 đồng. Sùng Thị S đã đi tìm M trái phép 01 gói Heroine của một người không rõ lai lịch ở đâu với giá 200.000 đồng tại bản Che Bó. Sau khi M được Heroine, Sùng Thị S cầm về để đưa cho T và E. Trên đường về S bị Công an huyện Than Uyên bắt quả tang về hành vi tàng trữ 0,29 gam Heroine. Từ lời khai của S cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Lù Văn T và Vàng Văn E về hành vi tàng trữ 0,29 gam Heroine. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định và kết luận giám định khẳng định là “ Heroine”.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Sùng Thị S Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Sùng Thị S đã có ba bản án chưa thi hành về các tội cụ thể: Ngày 09/6/2015 Sùng Thị S bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xử phạt 30 tháng tù về tội " M bán trái phép chất ma túy" theo bản án số 71/HSST ngày 09/6/2015. Tiếp đến ngày 05/01/2016, Sùng Thị S bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm tù về tội " M bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù tại bản án số: 16/HSST ngày 05/01/2016. Tiếp tục đến ngày 15/5/2017, Sùng Thị S bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 12 năm 06 tháng tù tại bản án số: 62/HSST ngày 15/5/2017; Hiện cả ba bản án Sùng Thị S chưa thi hành thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Như vậy bị cáo đã tái phạm rất nhiều lần, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, bị cáo phạm tội lần này là hành vi: “ M bán trái phép chất ma túy ” nên thỏa mãn tình tiết “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm p khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên truy tố bị cáo Sùng Thị S về tội "*M bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm p khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với lời khai của T và E ngoài lần M trái phép Heroine lần này còn M của S vào một lần khác. Tuy nhiên Sùng Thị S không thừa nhận việc bán Heroine cho T và E, ngoài lời khai của T, E không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho hành vi phạm tội nhiều lần đối với bị cáo S.

Đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo Lù Văn T và Vàng Văn E Hội đồng xét xử xét thấy: Cả hai bị cáo đã cùng chung ý chí góp tiền để nhờ S đi tìm M Heroine về sử dụng ngoài ra không có mục đích nào khác, khối lượng Heroine mà S đã M cho T và E là 0,29 gam. Như vậy hành vi của T và E đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên truy tố các bị cáo Lù Văn T và Vàng Văn E về tội: " Tàng trữ trái phép

chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá vai trò đồng phạm đối với hai bị cáo Lù Văn T và Vàng Văn E trong vụ án thì HĐXX xét thấy: Lù Văn T là người chủ động rủ bị cáo Vàng Văn E đi tìm M Heroine, đồng thời bỏ tiền ra cho bị cáo E vay để M Heroine khi nào E có tiền lại M Heroine trả lại cho T. Vì vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo E.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Sùng Thị S là rất nghiêm trọng, các bị cáo Lù Văn T và Vàng Văn E là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với bị cáo Vàng Văn E có bố đẻ là người có công với cách mạng vì vậy bị cáo được hưởng thêm một tình tiết tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Lù Văn T có cung cấp bản sao Huy chương kháng chiến mang tên bà Hoàng Thị Miến, bị cáo cho rằng tên của mẹ bị cáo nhưng trong hồ sơ thể hiện mẹ bị cáo tên Hoàng Thị Mến mà không có tên gọi khác, do vậy HĐXX không coi đây là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

[6] Xét về nhân thân: Sùng Thị S đã có ba bản án chưa thi hành về các tội liên quan đến chất ma túy. Bản thân bị cáo được tại ngoại để nuôi con dưới 36 tháng tuổi, lẽ ra bị cáo phải làm ăn lương thiện để chăm sóc các con và chấp hành quy định của pháp luật, nhưng lợi dụng sự khoan hồng của pháp luật được ở nhà và tiếp tục phạm tội hết lần này đến lần khác, bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành một công dân có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải có một bản án thật nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo Vàng Văn E và Lù Văn T đều không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên các bị cáo lại là người nghiện chất ma túy, các bị cáo cũng không chịu làm ăn lương thiện mà sa vào tệ nạn ma túy. Do vậy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, phải cách ly các bị cáo ra khỏi

xã hội một thời gian nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo thành một công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện kinh tế của các bị cáo còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 194 - Bộ luật hình sự là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng còn lại của vụ án là 0,23 gam Heroine thu giữ của Sùng Thị S là chất nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với chiếc xe mô tô BKS 25U1- 0385 thu giữ của bị cáo Vàng Văn E là tài sản chung của gia đình bị cáo, tại phiên tòa chị Lù Thị Nát đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho chị Nát do vậy HĐXX sẽ xem xét trả lại cho chị Lù Thị Nát.

Về nguồn gốc số Heroine bị cáo S khai M của một người không rõ địa chỉ ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với Thào A M do không có vật chứng và các tài liệu khác để chứng minh M nhờ S đi M Heroine vì vậy không có căn cứ để điều tra xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đối với bị cáo Sùng Thị S là cá nhân trong hộ thuộc khu vực đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ - TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Lai Châu, tại phiên tòa bị cáo Sùng Thị S có ý kiến đề nghị HĐXX miễn án phí, nên HĐXX xem xét miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lù Văn T, Vàng Văn E là cá nhân trong hộ thuộc danh sách hộ nghèo giai đoạn 2016 – 2020 và có “Giấy chứng nhận hộ nghèo”, và tại phiên tòa các bị cáo đều đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo, nên HĐXX xem xét miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Sùng Thị S phạm tội: “ *M bán trái phép chất ma túy*”; các bị cáo Lù Văn T, Vàng Văn E phạm tội: “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào: Điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 điều 46 - Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Sùng Thị S.

Xử phạt bị cáo: Sùng Thị S 07 năm 06 tháng tù, áp dụng điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt tại bản án số: 62/2017/HSST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu là 12 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 20 năm tù, khấu trừ 03 ngày tạm giữ tại bản án số: 16/2016/HSST ngày 05/01/2016 cho bị cáo. Thời hạn thi hành hình phạt tù còn lại của bị cáo là 19 (mười chín) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày.

Thời hạn thi hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 điều 46 điều 20, 53 - Bộ luật hình sự năm 1999. điểm c khoản 1 điều 249; khoản 3 điều 7 - Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội đối với các bị cáo Lù Văn T và Vàng Văn E.

Xử phạt bị cáo Lù Văn T 19 (mười chín) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Vàng Văn E 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn thi hành hình phạt tù của các bị cáo Lù Văn T, Vàng Văn E được tính từ ngày 18/7/2017.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điều 41- Bộ luật hình sự và điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,23 gam Heroine thu giữ của bị cáo Sùng Thị S.

- Trả lại cho chị Lù Thị Nát có địa chỉ: Bản Én Luông, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm Sát 25U1- 0385.

(Hiện số vật chứng đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục THADS huyện Than Uyên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2017).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng cho các bị cáo Sùng Thị S, Lù Văn T, Vàng Văn E.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh lai Châu.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh
- VKS huyện
- THA dân sự
- Cơ quan THAHS
- THA PT
- Bị cáo
- Người có QLNVLQ
- Sở Tư pháp
- Lưu HS - TA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

